TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH AN GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **32**/2023/DS-PT	
Ngày 15 - 02 - 2023	
V/v tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Lê Văn TH1, sinh năm 1975 (Có mặt);

Nơi cư trú: Tổ 2, k3, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh AG.

1.2 Ông Lê Văn B, sinh năm 1969 (Có mặt);

Nơi cư trú: Số 331/3, ấp VT, xã VKh, huyện ThS, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962 (Có mặt);

Nơi cư trú: Số 76, tổ 5, ấp LT, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Phúc là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1974 (Có mặt);

Nơi cư trú: tổ 2, k3, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh AG.

3.2 Ông Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1987 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp LTh, xã LĐ B, huyện ChM, tỉnh AG.

4. Người làm chứng: Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp ThN, thị Trấn PH, huyện ThS, tỉnh AG.

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn A là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Lê Văn TH1 trình bày:

Vào ngày 23/7/2021 được ông Lê Văn B giới thiệu ông Nguyễn Văn A cho ông để nhận chuyển nhượng diện tích đất 622m^2, đất trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06226, thửa đất số 166, tờ bản đồ số 76 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn Phúc và bà Dương Thị Thúy Kiều và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00335, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 76 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn Phúc và bà Dương Thị Thúy Kiều, đất tọa lạc tại ấp Thanh Niên, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang với giá 650.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng thể hiện chữ ký và chữ viết của ông Lê Văn B, ông Nguyễn Văn Tr1, ông Nguyễn Văn A. Cùng ngày 23/7/2021 bà Trần Thị Kim L (vợ ông TH1) có chuyển tiền qua số tài khoản của Nguyễn Văn Tr1 để đặt cọc 100.000.000 đồng. Đến ngày 13/9/2021 ông A hẹn ông đến đất để bàn giao đất, làm giấy tờ và đưa số tiền còn lại. Khi đến nơi thì chủ đất là ông Trần Ngọc C còn đang ở trên đất mà ông A làm hợp đồng bán với ông. Trước đó ông A có hứa với ông người ở trên đất đã di dời nhà nên ông mới mua. Qua sự việc trên ông thấy đất còn đang tranh chấp nên ông không mua và yêu cầu ông A phải trả lại tiền đặc cọc là 100.000.000 đồng nhưng đến nay ông A vẫn không thực hiện. Nay ông yêu cầu ông A và anh Tr1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 23/7/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 21/4/2022 ông có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông A có nghĩa vụ trả số tiền phạt cọc 100.000.000 đồng, nay ông xin rút lại yêu cầu ông A có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 đồng phạt cọc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông xin rút lại yêu cầu ông A trả số tiền lãi là 5.278.000 đồng.

Nguyên đơn là ông Lê Văn B trình bày:

Vào ngày 23/7/2021 ông có gặp ông A tại quán cà phê tại phà An Hòa, huyện Chợ Mới, hai bên có bàn bạc thống nhất ông A sẽ chuyển nhượng cho ông diện tích 622m^2 đất trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06226, thửa đất số 166, tờ bản đồ số 76 do Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn Phúc, bà Dương Thị Thúy Kiều và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00335, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 76 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn Phúc, bà Dương Thị Thúy Kiều, đất tọa lạc tại ấp Thanh Niên, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn với giá 650.000.000 đồng. Khi đó đất xung quanh là đìa, nằm giữa có căn nhà nên ông có nói với ông A phải dở căn nhà, san lấp đất lại thì ông A cũng đồng ý, ông A bảo ông đưa tiền đặt cọc 100.000.000 đồng, do ông không có tiền nên ông mới kêu ông TH1 (là em của ông) chuyển cho ông A số tiền 100.000.000 đồng đặt cọc, sau đó bà Trần Thị Kim L (là vợ ông TH1) đã chuyển tiền qua số tài khoản của Nguyễn Văn Tr1 (con ông A) để đặt cọc 100.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng và thể hiện chữ ký, chữ viết của ông B, ông Tr1, ông A. Số tiền 550.000.000 đồng còn lại do ông không có nên ông mới bảo ông TH1 bỏ tiền mua, ông mới nói ông A dắt ông TH1 đi xem đất coi có ai mua bán và tranh chấp gì không, ông A nói đất không tranh chấp. Vào ngày 13/9/2021 ông A dắt ông TH1, bà L đi xem đất thì thấy ông C đang ở trên đất nên ông TH1 và bà L không đồng ý mua. Ông yêu cầu ông A trả lại số tiền 100.000.000 đồng đặt cọc lại cho ông TH1, bà L. Ông A yêu cầu ông TH1, ông B, bà L ra công chứng rồi dở nhà sau nhưng ông TH1, bà L không đồng ý, vì ông TH1 và bà L cho rằng ông A thực hiện không đúng thỏa thuận là dở nhà xong mới công chứng và giao số tiền còn lại. Nay ông yêu cầu ông A và anh Tr1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông và ông TH1, bà L số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 23/7/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Ông yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 23/7/2021 giữa ông với ông A là vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông xin rút lại yêu cầu ông A trả số tiền lãi là 5.278.000 đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông không biết ông Lê Văn TH1 là ai, ông chỉ mua bán với ông B. Ông B cũng đồng ý nhận chuyển nhượng diện tích đất 622m^2 của ông với số tiền 650.000.000 đồng, ông mới nói với ông B là ông mua rồi thì ông có quyền bán cho ai cũng được, khi nhận đủ tiền thì ông giao đất, sau đó ông B có hẹn ông để ông đặt cọc và hỏi ông có dùng số tài khoản không, ông nói không có dùng nên mới cho số tài khoản của anh Tr1 (là con ông). Sau đó, ông B chuyển vào tài khoản của anh Tr1 số tiền 100.000.000 đồng thì hai bên mới làm biên nhận đặt cọc và có ký tên, ông có nói đến ngày 30/8/2021 ông B xuống làm giấy tờ ông sẽ giao đất cho ông B và giao số tiền còn lại. Nếu ông không có đất thì ông sẽ bồi thường cho ông B 100.000.000 đồng thành 200.000.000 đồng, nếu trường hợp ngày 30/8/2021 ông B không đến làm thủ tục thì ông B sẽ mất cọc. Sau đó, ông B không đến theo thỏa thuận và có hứa nhiều lần, đến ngày cuối cùng là ngày 30/02/2022 cũng không đến làm thủ tục nên ông B mất cọc không quyền khiếu nại về sau. Còn ông TH1 thì ông không biết nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông TH1.

Vào ngày 27/02/2021 giữa ông B với ông C, ông Tạo có thỏa thuận cho ông C chi phí dời nhà 5.000.000 đồng nhưng do ông B không đưa nên ông C không di dời nhà. Việc mua bán giữa ông với ông B không thực hiện được.

Yêu cầu vô hiệu hợp đồng đặt cọc, không hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng và không đồng ý phạt cọc 100.000.000 đồng, tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, do nguyên đơn vi phạm hợp đồng đặt cọc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Kim L trình bày: Bà thừa nhận ngày 23/7/2021 bà có chuyển vào số tài khoản cho anh Tr1 số tiền 100.000.000 đồng qua sự giới thiệu của ông B cho vợ chồng bà chuyển nhượng đất với ông A, do ông A không thực hiện đúng thỏa thuận nên bà yêu cầu ông A và anh Tr1 có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền 100.000.000 đồng đặt cọc và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 23/7/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Tr1 trình bày: Anh thừa nhận vào ngày 23/7/2021 bà L có chuyển vào số tài khoản của anh số tiền 100.000.000 đồng, do ông A không có sử dụng số tài khoản, còn việc mua bán giữa ông TH1, ông B, ông A như thế nào anh không biết, ông chỉ nhận tiền và sau đó rút ra cho ông A. Anh xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử do anh bận công việc gia đình, anh không khiếu nại về sau.

Người làm chứng là ông Trần Văn C trình bày: Trước đây ông có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tạo và ông Tạo mới làm thủ tục sang tên lại từ ông sang ông Tạo đứng tên, sau đó ông Tạo mới chuyển quyền sử dụng đất lại cho ông Phúc, bà Kiều đứng tên. Ông A chỉ là người trung gian để chứng kiến việc bán đất giữa ông Tạo với ông Phúc, bà Kiều nhưng phần đất trên ông A lại đứng ra nhận tiền cọc từ ông B, ông TH1 thì ông không biết, còn việc tranh chấp ông không rõ, ông xin vắng mặt tại các buổi hoà giải và xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B, ông Lê Văn TH1.

- Tuyên bố hợp đồng đặt cọc giữa ông Lê Văn B, ông Lê Văn TH1 với ông Nguyễn Văn A là vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn A phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn B, ông Lê Văn TH1 số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 5.278.000 đồng. Tổng cộng là 105.278.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B, ông Lê Văn TH1 đối với số tiền phạt cọc 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 23/7/2021 đến ngày khởi kiện.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.263.900 đồng.

Ông Lê Văn TH1, ông Lê Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn B, ông Lê Văn TH1 số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010390 ngày 16 tháng 03 năm 2022; số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004526 ngày 21 tháng 4 năm 2022 đều do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 11 năm 2022 ông Nguyễn Văn A nộp Đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông TH1, ông B trong việc buộc ông phải trả cho các ông TH1, ông B số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và tiền lãi. Ông không đồng ý trả số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và tiền lãi 5.278.000 đồng cho ông TH1 và ông B.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn: Trong hồ sơ vụ án có chứng cứ do ông A gửi cho ông B về Thông báo chấm dứt hợp đồng đặt cọc ngày 23/7/2021 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa. Cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng không đúng, vì ông TH1 không ký kết hợp đồng đặt cọc. Trường hợp Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên tòa, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì ông TH1 không ký kết hợp đồng đặt cọc, ông A không có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn A; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B, ông Lê Văn TH1 đối với số tiền lãi 5.278.000 đồng;

Buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn B, ông Lê Văn TH1 số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không sửa, đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn A kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông A theo trình tự phúc thẩm.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn cho rằng trong hồ sơ vụ án có chứng cứ do ông A gửi cho ông B về Thông báo chấm dứt hợp đồng đặt cọc ngày 23/7/2021 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa. Xét đề nghị của Luật sư là không cần thiết nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Luật sư cho rằng cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của ông TH1 không đúng, vì ông TH1 không ký kết hợp đồng đặt cọc. Mặc dù ông TH1 không ký kết hợp đồng đặt cọc nhưng bà L (vợ ông TH1) là người trực tiếp chuyển tiền cho ông Tr1 (con ông A) và tại Đơn khởi kiện ông TH1 là người khởi kiện nên cấp sơ thẩm xác định ông B và ông TH1 là đồng nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về kháng cáo của ông A, xét thấy vào ngày 23/7/2021 ông B (Người đưa tiền), ông A (Người nhận tiền) và ông Tr1 (Người làm chứng) cùng ký kết Biên nhận đặt cọc để thỏa thuận ông A chuyển nhượng của ông B phần đất diện tích 622m^2 trị giá 650.000.000 đồng. Cùng ngày 23/7/2021 bà L (vợ của ông TH1) đã chuyển khoản cho ông Tr1 (con ông A) số tiền 100.000.000 đồng để đặt cọc. Tuy nhiên, phần đất diện tích 622m^2 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06226 ngày 11/01/2021 cho ông Võ Văn Phúc và bà Dương Thị Thúy Kiều diện tích 500m^2, thửa đất số 166, tờ bản đồ số 76, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Thanh Niên, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00335 ngày 30/12/2020 cấp cho ông Võ Văn Phúc và bà Dương Thị Thúy Kiều diện tích 122m^2, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 76, loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại ấp Thanh Niên, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn. Việc ông A đứng ra nhận cọc để chuyển nhượng đất cho ông B là không đúng đối tượng, vì đất do ông Phúc và bà Kiều đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hợp đồng đặt cọc đã vô hiệu kể từ thời điểm ký kết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cũng yêu cầu ông A phải trả cho ông B và ông TH1 số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, án sơ thẩm đã buộc ông A trả cho ông B và ông TH1 số tiền 100.000.000 đồng đặt cọc là có căn cứ.

Về lãi suất, ông TH1 và ông B yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 17/3/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/9/2022) là 190 ngày do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền 5.278.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B và ông TH1 xin rút yêu cầu tính lãi là phù hợp với khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B và ông TH1.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/4/2022 ông TH1, ông B có yêu cầu xem xét phạt cọc số tiền 100.000.000 đồng đối với ông A, quá trình giải quyết vụ án ông TH1, ông B xin rút yêu cầu phạt cọc. Xét việc ông TH1, ông B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với khoản 2 Điều

244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông TH1, ông B là có căn cứ.

[3] Về án phí: Ông A phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông A. Ông A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông A. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

Các phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308 và Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 328, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn A. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B và ông Lê Văn TH1.

Tuyên bố Hợp đồng (Biên nhận) đặt cọc ngày 23/7/2021 giữa ông Lê Văn B, ông Lê Văn TH1 với ông Nguyễn Văn A vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn A phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn B và ông Lê Văn TH1 số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B và ông Lê Văn TH1 đối với số tiền lãi 5.278.000 đồng;

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B và ông Lê Văn TH1 đối với số tiền phạt cọc 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 23/7/2021 đến ngày xét xử.

4. Về án phí:

4.1 Ông Nguyễn Văn A được miễn án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn A được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0012874 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

4.2 Ông Lê Văn B và ông Lê Văn TH1 được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0010390 ngày 16 tháng 03 năm 2022 và Biên lai thu số 0004526 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Chợ Mới;
- TAND H.Chợ Mới;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà